

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 2

Đã nói về phần lập nghĩa, tiếp theo nói về phần giải thích.
Danh tự, pháp môn trong phần giải thích, số lượng đó có bao nhiêu,
tương ấy thế nào? Tụng nói:

*Chỉ có bốn loại pháp
Hai mươi chín môn khác
Tóm lược không giải thích
Trong chín luận đã nêu.*

Luận giải thích: Trong phần giải thích, chỉ giải thích về bốn pháp.
Những pháp môn còn lại tóm lược mà không giải thích riêng biệt. Thế
nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn nhất thể.
2. Ma-ha-diễn tam tự.
3. Môn Chân như.
4. Môn sanh diệt.

Tại sao những pháp còn lại đã lược bớt không giải thích riêng? Vì
trong chín luận như Luận Nhất Tâm Biến Mãn đã giải thích. Nói Nhất
tâm biến mãn trong Luận ấy chỉ giải thích bốn pháp, các pháp môn còn
lại thì tóm lược, không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của một thể một tâm.
2. Ma-ha-diễn của ba tự thể một tâm.
3. Môn một thể một tâm.
4. Môn ba tự thể một tâm.

Trong Luận Dung Tục Quy Chân chỉ giải thích bốn pháp, những pháp
môn còn lại lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó
là:

1. Ma-ha-diễn của thể đại là vô lượng vô biên các pháp sai biệt

không thêm không bớt.

2. Ma-ha-diễn của thể đại là các pháp tịch tĩnh không tạp lẫn, một vị bình đẳng không tăng, không giảm.

3. Môn của thể đại là các pháp sai biệt không thêm không bớt.

4. Môn của thể đại là các pháp một vị bình đẳng không thêm không bớt.

Trong Luận Pháp Giới Trung Tạng chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng đại của Ma-ha-diễn.

2. Có đầy đủ tánh công đức là tướng đại của Ma-ha-diễn.

3. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng đại của môn.

4. Có đầy đủ tánh công đức là tướng đại của môn.

Trong Luận Bí Mật Vi Diệu chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

2. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

3. Nhân quả tốt đẹp của thế gian là dụng lớn của môn.

4. Nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian là dụng lớn của Môn.

Trong Luận Chúng Mạng Hợp Nhất chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng. Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Vô lượng vô biên các pháp sai biệt không thêm không bớt là Ma-ha-diễn.

2. Tịch tĩnh không tạp loạn chỉ một vị bình đẳng không thêm không bớt là Ma-ha-diễn.

3. Các pháp sai biệt không thêm không bớt là môn.

4. Một vị bình đẳng không thêm không bớt là môn.

Trong Luận Tam Muội Chân Chư chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại đã lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của Như Lai tạng gồm đủ công đức.

2. Ma-ha-diễn có đầy đủ tánh công đức.

3. Môn Như Lai tạng có đủ công đức.

4. Môn có đầy đủ tánh công đức.

Trong Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh chỉ giải thích bốn pháp, những pháp môn còn lại thì lược bớt mà không giải thích riêng.

Thế nào là bốn pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian.
2. Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian.
3. Môn nhân quả thế gian.
4. Môn nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian.

Trong hai loại Luận Bất Động Bản Nguyên và Thâm Thâm Huyền Lý chỉ giải thích một pháp, những pháp môn còn lại đã lược bớt, không giải thích riêng. Thế nào là một pháp? Đó gọi là pháp Ma-ha-diễn bất nhị, giải thích rộng ra hay giải thích sơ lược đều khác nhau. Tại sao trong các luận kiến lập môn pháp đều nêu đủ số lượng vốn có, còn trong phần giảng giải rộng về môn đều thiếu đi số lượng đó? Vì muốn biểu hiện rõ pháp thể không phân chia nghĩa lý mà môn loại có thể sai khác. Hơn nữa, vì muốn làm cho người học nâng cao năng lực tư duy. Lại nữa, vì nhằm khiến mở bày rõ giáo lý sâu xa và hết sức cao rộng, xuất sanh tâm ca ngợi, tôn trọng. Vả lại, vì muốn biểu hiện rõ pháp môn rộng lớn như hư không, nghĩa lý vô cùng vô tận như đại dương trong suốt diệu kỳ, nói năng giảng giải không thể bàn luận hết, tư duy cũng không biết được số lượng đó ra sao.

Đã nói về phần số lượng căn bản, tiếp theo sẽ giải thích riêng.

Bổn Luận nói: Giải thích có ba loại. Sao nói là ba loại? Đó là:

1. Biểu hiện rõ về nghĩa chánh yếu.
2. Đối trị những chấp tà.
3. Phân biệt tướng phát khởi tướng hướng về đạo.

Luận giải thích: Ba môn như vậy giải thích số lượng môn lớn của bốn pháp.

Bổn Luận nói: Biểu hiện rõ về nghĩa chánh yếu, là dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.
2. Môn tâm sanh diệt. Hai loại môn này mỗi môn đều thấu tóm tổng quát tất cả các pháp. Nghĩa này nói gì? Vì hai môn này không tách rời nhau.

Luận giải thích: Chính là phần giải thích tóm lược, trong này có ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Phần kiến lập bốn loại pháp tướng.
2. Phần pháp môn thấu tóm đầy đủ trọn vẹn.

3. Phần phát khởi hỏi, đáp để làm rõ nhân.

Dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.

2. Môn tâm sanh diệt, tức là phần kiến lập bốn loại pháp tướng. Tên gọi về hai pháp - hai môn có sai biệt, số lượng đó có bao nhiêu, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Đều có mười loại tên
Khế kinh nói khác nhau
Nhưng không có Thể khác
Thuận theo thể lập tên.*

Luận giải thích: Hai pháp - hai môn đều có mười tên gọi, trong các khế kinh phân biệt giải thích khác nhau, nhưng thể của pháp ấy không có sai biệt, tùy theo công năng kia mà lập tên gọi của nó. Mười tên gọi của hai loại pháp căn bản là thế nào? Tụng nói:

*Tỳ Ma Ha Kiện Na
Ma Ha Cưu Thi Đế,
Ma Thi Đà Na La
Ma Ca La Câu Xá,
Tất Tát Y Ni La
Bà Già Bà Câu Xá,
Tất Đạt Ma Biên Na
Hoặc gọi Ma-ha-diễn,
Bà Già Xoa La Bà
Tất A Tổ Ma Lợi.
Mười tên gọi như vậy
Chung hai loại pháp gốc.*

Luận giải thích: Hai loại pháp căn bản đều có mười tên gọi. Tên gọi thì chung mà nghĩa khác nhau. Sao nói là mười tên gọi? Đó là:

1. Gọi là Quảng Đại Thần Vương. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Cưu Na Da Thần Vương. Hai là Già Tỳ Khư La Thần Vương. Thần Vương thứ nhất ở núi Kim Cang, luôn chỉ sanh ra các loại thần an lành. Thần Vương thứ hai ở trong biển lớn, nối thông khắp nơi, sanh ra tất cả các loại thần chúng an lành và thần chúng tai họa. Quảng Đại Thần Vương của hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Một là Thể pháp căn bản, hoàn toàn sanh ra pháp Chân như thanh tịnh. Hai là ba tự pháp căn bản, nối thông khắp nơi sanh ra tất cả các loại phẩm pháp thanh tịnh và phẩm pháp nhiễm ô. Trong Kinh Tự Thể

giảng giải như vậy: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến trước Đức Phật thưa: Thưa Thế Tôn! Hai loại Đại thừa rất sâu xa và hết sức vi diệu, tâm mọi người không biết, không hiểu là đồng nhất hay biệt dị, nên nghi ngờ vô cùng, nếu như thích hợp thì thỉnh cầu Đức Thế Tôn giảng giải lại cho mọi người! Đức Phật thị hiện sắc tướng nói Bồ-tát Văn-thù: Này người thiện nam! Hai pháp như vậy: ví như Kim Cang Thần Vương và Chủ Hải Thần Vương, tướng của họ đều sai khác”.

Nghĩa là như Kim Cang Thần Vương ở núi Kim Cang, hiện ra các cảnh giới, chỉ hiện rõ ánh sáng vàng chói, không hiện ra ánh sáng nào khác. Kim Cang Thần Vương của Chân như nhất tâm cũng lại như vậy, chỉ có pháp tịnh, không có pháp nào khác. Lại như Kim Cang Thần Vương chỉ sanh ra quyền thuộc thanh tịnh, luôn không sanh ra quyền thuộc tạp loạn. Chân như nhất tâm cũng lại như vậy, chỉ sanh ra pháp thanh tịnh vô cấu.

Lại nữa, ví như Chủ Hải Thần Vương ở trong biển lớn, sanh ra các loại quyền thuộc xấu dữ và các loại quyền thuộc thiện diệu. Chủ Hải Thần Vương của một tâm sanh diệt cũng lại như vậy, sanh ra tất cả các pháp thanh tịnh và nhiễm ô.

2. Gọi là Đại Hư Không Vương. Ở đây có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Không Tự Tại Không Vương. Hai là Sắc Tự Tại Không Vương. Không Vương thứ nhất lấy không dung nạp tiếp nhận trở thành tự tại. Không Vương thứ hai lấy sắc dung nạp tiếp nhận trở thành tự tại.

Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy, Không Vương một thể lấy xứ Vô trú để tự tại, Không Vương ba Tự lấy xứ Hữu trú để thành tự tại. Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Nhất tâm như pháp, lý tự thể rộng lặng không có gì, như Không Vương kia vốn không có trú xứ”. Trong kinh Nhất Địa giải thích như vậy: “Nhất tâm pháp thể, đối với các chướng ngại, không có chướng ngại, khiến trú vào các pháp, ví như Không Vương đối với tất cả các sắc, được tự tại nên dung nạp tiếp nhận đại chúng”.

3. Gọi là Xuất Sanh Long Vương. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Xuất Sanh Quang Minh Long Vương. Hai là Xuất Sanh Phong Thủy Long Vương. Long Vương thứ nhất dùng ánh sáng thanh tịnh làm nơi nương dựa. Long Vương thứ hai dùng đức của gió và nước làm nơi nương dựa. Hai loại pháp căn bản Xuất Sanh Long Vương cũng lại như vậy. Một thể pháp căn bản lấy pháp thuần tịnh làm thể của

mình. Ba Tự pháp căn bản lấy pháp nhiệm và tịnh làm đức của mình. Trong kinh Thuận Lý giải thích như vậy: “Pháp căn bản nhất tâm thuần nhất không có xen tạp, ví như Quang Minh Long Vương lấy ánh sáng thanh tịnh làm cung điện, lấy ánh sáng thanh tịnh làm tướng thân mình, lấy ánh sáng thanh tịnh để làm đồ chúng”.

Trong kinh Vô Thủ giải thích như vậy: “Ví như trong biển lớn có Đại Long Vương, tên là Xuất Sanh Phong Thủy, từ trên đỉnh đầu của Long Vương đó sanh ra nước trong veo, từ cuối phần đuôi của Long Vương sanh ra ngọn gió mịt mù, do Long Vương này nên gió nước trong biển lớn luôn nối tiếp nhau không lúc nào ngừng lại. Long Vương của Nhất Tâm cũng lại như vậy, có năng lực sanh ra tất cả các pháp sai biệt và bình đẳng, hết thảy các loại luôn nối tiếp nhau không hề có sự đoạn tuyệt”.

4. Gọi là Như Ý Châu Tạng. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Kim Vương Như Ý. Hai là Mãn Chủ Như Ý. Như Ý thứ nhất chỉ sanh ra kim cang, Như Ý thứ hai sanh ra đầy đủ các vật tốt đẹp và xấu xí. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy. Như Ý của một Thế chỉ sanh ra pháp thanh tịnh. Như Ý của ba Tự sanh ra tất cả các pháp nhiệm và tịnh.

Trong kinh Như Như giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Kim Cang Tạng: Này Phật Tử! Ví như Chim cánh vàng chúa mạng chung, sau đó tim của nó rơi vào biển thành ngọc báu như ý, có năng lực phát sanh cát vàng lợi ích cho Long Vương. Pháp căn bản nhất tâm cũng lại như vậy, có năng lực phát sanh chân lý làm lợi ích đầy đủ và trọn vẹn”.

Vì vậy trong kinh Bốn Tánh Trí giải thích như vậy: “Ví như loài quỳ Già Đa Lợi, vì báo ân nên suốt một vạn kiếp, làm ngọc châu như ý tạo lợi ích cho chúng sanh ở biển.

Như Ý của Nhất tâm cũng lại như vậy, có năng lực sanh ra và nuôi lớn pháp sanh tử cùng pháp Niết-bàn”.

5. Gọi là Phương Đẳng. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Bạch Hào Phương Đẳng. Hai là Loạn Sắc Phương Đẳng. Trong Phương Đẳng thứ nhất chỉ hiện rõ ở trước hình tượng loài trời. Trong Phương Đẳng thứ hai hiện bày trước tất cả năm đường. Như vậy thân phận hai loại (hào) chúng sanh, biểu hiện hoàn toàn rõ ví như gương sáng. Hai loại pháp căn bản cũng lại như vậy.

Trong kinh Nhiếp Vô Lượng giải thích như vậy: “Thanh tịnh pháp giới như Bạch Hào Phương Đẳng (Bạch Tất Tất Y Ni La), vô tận pháp

giới như Loạn Sắc Phương Đẳng (Loạn Tất Tất Y Ni La)”.

6. Gọi là Như Lai tạng. Ở đây có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Như Lai tạng Viên Chuyển Viên Phước. Hai là Như Lai tạng Dữ hành, Dữ Tướng. Trong kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Này Phật Tử! Như Lai tạng là chỉ có giác ngộ, chỉ có Như Như, xa rời nhân tố lưu chuyển, xa rời sự trói buộc của suy nghĩ hiểu biết, tuyệt đối trong sáng, vì vậy gọi là Như Lai tạng”.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Như Lai tạng là nhân của thiện và bất thiện, nhận chịu quả khổ hay vui, cùng với nhân thiện, bất thiện đều có, hoặc sanh ra hoặc diệt, giống như người có pháp thuật biến hóa”.

7. Gọi là Nhất Pháp Giới. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Nhất Pháp Giới Thuần Bạch. Hai là Nhất Pháp Giới Vô Tận. Pháp Giới thứ nhất như thời gian kiếp Không. Pháp Giới thứ hai như thời gian kiếp Trụ.

Trong kinh Chân Pháp Giới giải thích như vậy: “Chủng loại hư không vô ngại giống như thời gian dài rộng lặng, chủng loại đầy khắp vô ngại giống như thời gian dài có tồn tại”.

8. Gọi là Ma-ha-diễn, nghĩa như trước đã giải thích.

9. Gọi là Trung Thật. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Trung Thật Đẳng Trú. Hai là Trung Thật Biệt Trú. Trung Thật thứ nhất giống như hạt minh châu riêng biệt, Trung Thật thứ hai giống như hạt minh châu thuận theo. Trong kinh Minh Trung Thật giải thích như vậy: “Xa rời các biên là chân tâm, nếu Chân như dựa vào thì như hạt minh châu dị đồng. Nếu sanh diệt dựa vào thì như hạt minh châu đồng dị”.

10. Gọi là Nhất Tâm. Trong này có hai tên gọi. Thế nào là hai? Một là Nhất Tâm Thị Nhất Thị Nhất. Hai là Nhất Tâm Thị Nhất Thiết Thị Nhất Thiết. Nhất Tâm thứ nhất tùy theo những việc làm để thiết lập tên gọi. Nhất Tâm thứ hai tùy theo năng lực làm việc mà thiết lập tên gọi.

Trong kinh Nhất Tâm Pháp giải thích như vậy: “Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước Đức Phật, thưa: Thưa Thế Tôn! Trong kinh Bốn Địa giảng giải như vậy: Thể tánh của tâm ấy chẳng lớn - chẳng nhỏ, chẳng phải pháp - chẳng phải phi pháp, chẳng giống nhau - chẳng sai khác, chẳng phải một - chẳng phải tất cả, là do nhân duyên gì? Hôm nay tự nhiên nói Chân như nhất tâm vì một nhân nên là Nhất tâm, Sanh diệt nhất tâm vì nhiều nhân nên là Nhất tâm, há không phải là Đức Thế

Tôn đã trái ngược nhau không có trước sau chẳng! Đức Phật dạy: Đây người thiện nam! Đừng khởi ý nghĩ như vậy! Vì sao như thế? Vì tâm pháp chẳng phải là một, vì nhân thực hiện chỉ là một nên tạm gọi là Nhất tâm, tâm pháp chẳng phải là tất cả, vì nhân thực hiện là tất cả nên tạm gọi là tất cả tâm. Nhưng nói một tâm chứ không nói là tất cả các tâm, là tùy theo năng lực thực hiện của tâm để thiết lập tên gọi của nó, cho đến giải thích rộng”.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy thâu tóm toàn bộ tên gọi nơi tất cả các pháp tạng căn bản của chư Phật.

Đã nói về mười loại tên gọi riêng của hai pháp, tiếp theo nói về tên gọi sai biệt của hai Môn. Mười tên gọi của Chân Như, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Bà Già Bà Câu Xá
Kiện Già A Đa Na
Tất Bồ Đề Bà Lê
Kiện Ha Kiện Bà Na
A Đà A Chỉ Ni
A Già A Thử Đa
Ây Độ La Nặc Bồ Đề
Mạc Hô Kiện Na Địa
Ma Ha Tiêu Đà Nhất
Bà A Xoa Ni La
Mười tên gọi như vậy
Chân như không cùng xưng.*

Luận giải thích: Môn tâm Chân như có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là môn Như Lai tạng, vì không hề tạp loạn.
2. Gọi là môn Bình đẳng bất nhị, vì không có sai biệt.
3. Gọi là môn Nhất đạo thanh tịnh, vì không có đường rẽ nào khác.
4. Gọi là môn Bất khởi bất động, vì xa rời tác nghiệp.
5. Gọi là môn Vô đoạn vô phược, vì không có đối trị chướng ngại.
6. Gọi là môn Vô khứ vô lai, vì không có trên dưới.
7. Gọi là môn Xuất thế gian, vì không có bốn tướng.
8. Gọi là môn Tịch diệt tịch tĩnh, vì không có qua lại.
9. Gọi là môn Đại tổng tướng, vì không có tướng riêng.
10. Gọi là Môn Chân như, vì không có giả dối.

Đây gọi là mười tên gọi. Mười tên gọi như vậy, thâu tóm toàn bộ

tất cả danh tự - pháp môn - nghĩa lý bình đẳng trong tất cả Pháp tạng của chư Phật.

Mười tên gọi của môn sanh diệt, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*A-lê-da Kiện Ma
Bà Già Bà Câu Xá
A Y Bà Na La
Kiện Ha Kiện Chỉ Ni
Kiện Già Kiện Thủ Na
Xoa Nhân Phiệt Na La
La Nặc Bồ Đế Ni
Xà Phược Đa Niết Bàn
A Chỉ Già Na Thi
Đa Bạt Đa Kiện Xá
Mười tên gọi như vậy
Sanh diệt không cùng nêu.*

Luận giải thích: Môn tâm sanh diệt có mười loại tên gọi. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là môn Tạng thức, vì thù giữ tất cả các pháp nhiệm và tịnh.
2. Gọi là môn Như Lai tạng, vì che giữ thể của Pháp thân Như Lai.
3. Gọi là môn Khởi động, vì liên tục tạo ra nghiệp.
4. Gọi là môn Hữu đoạn hữu phược, vì có đối trị chướng ngại.
5. Gọi là môn Hữu khứ hữu lai, vì có trên dưới.
6. Gọi là môn Đa tướng phần dị, vì pháp nhiệm và tịnh nhiều vô số kể.
7. Gọi là môn Thế gian, vì bốn tướng đều chuyển.
8. Gọi là môn Lưu chuyển hoàn diệt, vì có đầy đủ pháp sanh tử và Niết-bàn.
9. Gọi là Tương đãi câu thành, vì không có pháp nào tự riêng nó mà thành.
10. Gọi là môn Sanh diệt, vì biểu lộ tướng vô thường.

Đây gọi là mười loại. Mười tên gọi như vậy, thù tóm toàn bộ các loại danh tự - pháp môn sai biệt trong tất cả các pháp tạng của chư Phật.

Đã nói về mười loại tên gọi sai khác của hai Môn, tiếp theo nói về phần tướng đồng - dị. Hai loại pháp căn bản đồng - dị sai biệt, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Có ba khác - hai giống
 Điều nương, môn cảnh
 Điều khắp nơi - tên đồng
 Đồng tên mà nghĩa khác.*

Luận nói: Hai loại pháp căn bản có ba khác biệt và hai giống nhau. Thế nào là ba khác biệt? Đó là:

1. Nơi nương vào khác biệt, vì tất cả có chỗ dựa là Ma-ha-diễn.
2. Môn khác biệt, vì đều có đủ môn chủ thể hội nhập có sai biệt.
3. Cảnh giới khác biệt, vì đều duyên vào nơi nương tựa của chính nó làm cảnh giới.

Đây gọi là ba khác biệt. Thế nào là hai giống nhau? Đó là:

1. Khắp nơi như nhau, vì pháp giới rộng khắp cùng một số lượng.
2. Tên gọi như nhau.

Mười loại tên gọi nối thông với hai pháp. Đây gọi là hai giống nhau. Vì sao? Vì cùng chung tên gọi nhưng nghĩa khác nhau. Hai loại pháp môn đồng - dị sai biệt, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Có bảy khác - một giống
 Người, Pháp, Nương, Thể, Hành
 Cảnh giới phần vị khác
 Tên khác, nghĩa lý khác.*

Luận nói: Hai loại môn này có bảy khác biệt và một giống nhau. Thế nào là bảy khác biệt? Đó là:

1. Mọi người khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có người giải thoát thanh tịnh. Trong môn sanh diệt có đầy đủ tất cả chúng sanh thuộc ba Tụ.

2. Pháp môn khác nhau, vì trong môn Chân như chỉ có phẩm pháp luôn thuần khiết. Trong môn sanh diệt có đầy đủ tất cả các pháp nhiễm và tịnh.

3. Nơi nương tựa khác nhau, vì tất cả có nơi nương tựa là Ma-ha-diễn.

4. Thực hành pháp khác nhau, vì trong môn Chân như một tâm một niệm sanh khởi đã bị trói buộc thì không sanh khởi, xem như công hành của mình. Trong môn sanh diệt lấy sanh để diệt sanh - lấy diệt để diệt trừ diệt được xem như công hành của mình.

5. Thể tướng khác nhau, vì môn tâm Chân như cùng với bốn tâm của mình là đồng đẳng. Môn tâm sanh diệt cùng với bốn tâm của mình là sai khác. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Tịch diệt gọi là Nhất tâm, Nhất tâm gọi là Như Lai tạng”.

6. Cảnh giới khác nhau, vì đều duyên với nơi nó nương tựa làm thành cảnh giới.

7. Vị địa khác nhau, vì trong môn Chân như an trú lẫn lộn với nhau, còn trong môn sanh diệt thì an trú qua lại. Đây gọi là bảy khác biệt. Thế nào là một giống nhau? Nghĩa là khắp nơi như nhau. Vì sao? Vì khác tên gọi và khác nghĩa lý.

Địa, vị hai môn trong các kinh nào giải thích biểu hiện rõ, tất cả có bao nhiêu địa, vị? Tụng nói:

*Khế kinh như Lăng Già...
Chân như có một loại
Môn sanh diệt có hai
Vị trên dưới lẫn lộn.*

Luận giải thích: Địa, vị nơi hai môn trong các kinh như Lăng Già... giải thích biểu hiện rõ. Nghĩa là trong kinh Đại Bản Lăng Già giải thích như vậy:

*Hồi hướng tức tâm tín
Tâm tín là Phật địa
Địa Phật tức mười Địa
Mười Địa tức phát tâm.*

Trong kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy:

*Địa thứ mười là Địa thứ nhất
Địa thứ nhất là Địa thứ tám
Địa thứ chín là Địa thứ bảy
Địa thứ bảy là Địa thứ tám
Địa thứ hai là Địa thứ ba
Địa thứ tư là Địa thứ năm
Địa thứ ba là Địa thứ sáu
Tịch diệt phát sanh thứ tự gì?*

Trong kinh Chân Tu giải thích như vậy:

*Mẹ một tuổi một lúc
Sanh con năm mươi tuổi
Con trẻ năm mươi tuổi
Mẹ một tuổi mang thai
Một tuổi sanh năm mươi
Con trai đại trượng phu
Hoặc há có như vậy?
Hoặc há không như vậy?*

Các kinh như vậy v.v... đã căn cứ vào tâm, môn Chân như kiến lập

vị địa, đối với môn Chân như chỉ có địa, vị trí hoàn toàn tạp loạn không có vị địa nào khác. Do vậy tụng nói là “chỉ có loạn”. Trong các kinh khác nói đủ loại vị địa thứ tự qua lại dựa vào môn sanh diệt mà được an lập, cần phải quán sát kỹ. Đối với môn sanh diệt thì có hai loại vị địa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Môn Hưởng thượng.

2. Môn Hưởng hạ.

Sanh diệt và Quyết trạch, hai môn như vậy từ đây sẽ nói rõ. Môn tâm sanh diệt từ chánh trí đã chứng tánh thì lý Chân như thuộc về môn nào? Thuộc về môn sanh diệt chứ không phải là môn Chân như, vì phân giới khác biệt. Chân như trong hai môn lại có sai biệt thế nào? Lý của môn Chân như là lý từ nơi lý. Lý của môn sanh diệt là trí từ nơi lý. Vị địa của hai môn vì nghĩa gì mà lý đó đều khác biệt? Vì Chân như thì không có chướng ngại còn sanh diệt thì có chướng ngại. Đưa ra một phương diện này để tùy đó quán xét thích hợp.

Đã nói về phương diện kiến lập bốn loại pháp tướng, hai phương diện này (chủng môn) đều thu tóm tổng quát trong giới hạn mỗi loại. Tất cả các pháp chính là phần pháp môn thu tóm đầy đủ trọn vẹn. Nghĩa là dùng môn Chân như thu tóm tất cả các pháp, nên không một pháp nào không phải là Chân như. Dùng môn sanh diệt thu tóm tất cả các pháp, vì thế không một pháp nào không phải là Sanh diệt. Nhưng môn Chân như, không thể thu tóm tất cả các pháp trong môn sanh diệt, còn môn sanh diệt thì không thể nào thu tóm tất cả các pháp thuộc về môn Chân như. Nhưng nói thu tóm tổng quát tất cả các pháp, là thu tóm tổng quát tất cả các pháp Sanh diệt, thu tóm tổng quát tất cả các pháp Chân như. Vì sao? Vì hai Môn như vậy đều bình đẳng và có những sai biệt của mỗi Môn.

Đã nói về phương diện pháp môn thu tóm đầy đủ trọn vẹn. Nghĩa ấy là thế nào? Vì hai Môn này không tách rời nhau, chính là phần phát khởi hỏi đáp để biểu hiện nhân. Nghĩa là trực tiếp bày tỏ câu hỏi và trực tiếp giải thích để trả lời.

Đã nói về phần giải thích tóm lược, tiếp theo nói về phần giải thích mở rộng.

Bổn Luận nói: Tâm chân như chính là Thể của pháp môn nơi tổng tướng lớn của một pháp giới, nghĩa là tánh của tâm bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào niệm vọng mà có sai biệt, nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Vì vậy, tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa rời tướng ngôn thuyết, xa rời tướng danh tự, xa rời

tướng tâm duyên và hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể phá hủy, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như. Do tất cả ngôn ngữ trình bày đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm nên không thể đạt được. Nói là Chân như cũng không hề có tướng, nghĩa là đạt tới tột cùng của ngôn ngữ diễn tả, dựa vào ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ. Thể của Chân như này không gì có thể gạt bỏ, vì tất cả các pháp đều là chân thật. Cũng không thể thiết lập, vì tất cả các pháp đều cùng là Như. Nên biết tất cả các pháp, không thể diễn tả và không thể suy nghĩ được, nên gọi là Chân Như.

Hỏi: Nếu nghĩa lý như vậy thì các loại chúng sanh làm sao tùy thuận để có thể hội nhập được?

Đáp: Nếu như biết tất cả các pháp, tuy không có gì có thể nói mà lại đáng nói, tuy nghĩ đến cũng không có thể nghĩ mà có thể nghĩ được, thì gọi là tùy thuận. Nếu như xa rời diễn tả, suy nghĩ thì gọi là được hội nhập.

Lại nữa, Chân như dựa vào ngôn ngữ diễn tả, phân biệt có hai loại nghĩa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Như thật không, vì năng lực cứu cánh biểu hiện rõ thật.

2. Như thật bất không, vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu.

Nói là không, là từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả các pháp nhiệm ô, nghĩa là xa rời tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì không có tâm niệm hư vọng. Nên biết tự tánh của chân như chẳng phải có tướng, chẳng phải là không tướng, phi phi có tướng, phi phi không tướng, chẳng phải có, không cùng là tướng, chẳng phải một tướng, chẳng phải khác tướng, không chẳng phải một tướng, không chẳng phải khác tướng, chẳng phải một và khác đều là tướng, cho đến nói tổng quát, căn cứ vào tất cả chúng sanh mà có tâm vọng, niệm niệm phân biệt đều không tương ứng nên nói là không. Nếu xa rời tâm vọng thì thật sự không có gì là không. Nói là bất không, là vì đã biểu hiện thể của pháp là không mà không có vọng tướng, chính là chân tâm thường hằng bất biến, đầy đủ các pháp thanh tịnh, gọi là bất không, cũng không có tướng nào có thể giữ lấy, vì xa rời cảnh giới phân biệt chỉ chứng đạt tương ứng.

Luận giải thích: Đây chính là phần giải thích mở rộng. Trong này có ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Môn thể tánh căn bản của Chân Như.

2. Môn phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ.

3. Môn nhờ vào diễn tả bày ra tướng Chân như.

Trong môn thứ nhất có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần

kiến lập danh tự. Hai là phần giải thích trực tiếp Chân như. Ba là phần giải thích tên gọi.

“Tâm chân như chính là thể của pháp môn nơi tổng tướng lớn của một pháp giới”. Đây tức là phần kiến lập danh tự, nghĩa là tùy theo công năng mà thiết lập tên gọi. Một tâm chân như, tất cả có mười tên gọi, tại sao loại trừ những tên gọi khác, chỉ thiết lập tên gọi này? Vì tác nghiệp thích hợp, những tên gọi còn lại chắc chắn không phải như vậy nên lược bớt, không thiết lập. Nghĩa này là thế nào? Vì một tâm thực hiện nghiệp lớn, pháp làm thành nghiệp tổng quát, giới tạo ra tướng nghiệp, nên là pháp môn, môn tức là thể, do đó nói là thể của pháp môn. Các loại biệt tướng theo như trước, nên quán xét.

Đã nói về phần kiến lập danh tự. Tiếp đến nói về phần giải thích trực tiếp thể của Chân như. Nói “Tâm tánh bất sanh, bất diệt” là giải thích trực tiếp về môn Chân như, phân biệt với môn sanh diệt. Nghĩa là pháp Chân như chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, không có sanh, không có diệt, chẳng phải trú, chẳng phải dị, không có trú, không có dị, không phải như pháp sanh diệt, là sanh, là diệt, có sanh, có diệt, là trú, là dị, có trú, có dị, vì tướng có và không là nguyên cố của sai biệt.

Vả lại, chẳng phải Thị nói là không thể (Bất), chẳng phải nghĩa là Phi nên nói là không thể (Bất). Vì sao? Vì pháp Chân như là trăm Phi chẳng phải là Phi, ngàn Thị chẳng phải là Thị, chẳng phải Phi, chẳng phải Thị, đối với cả hai chẳng phải cũng không thể trụ. “Tất cả các pháp chỉ căn cứ vào niệm vọng mà có sai biệt”, là tạm thời mượn cái “có” kia để biểu hiện cái “không có” này. Nghĩa là mượn cái Có không thật của môn sanh diệt nêu ra cái Không thật sự của môn Chân như. Nếu xa rời tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới, nếu xa rời nhận thức của mọi hý luận thì không có tất cả các cảnh giới hư vọng. “Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay xa rời tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên”, là trực tiếp biểu hiện rõ tướng lia, dứt hẳn của pháp Chân như.

Ngôn thuyết - danh tự - tâm lượng, tất cả có số lượng bao nhiêu, tướng đó thế nào? Tụng nói:

Ngôn thuyết có năm loại

Danh tự có hai loại

Tâm lượng có mười thứ

Kinh nói có khác nhau.

Luận nói: Ngôn thuyết có năm loại. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Ngôn thuyết của tướng.

2. Ngôn thuyết của mộng.
3. Ngôn thuyết vọng chấp.
4. Ngôn thuyết vô thủ.
5. Ngôn thuyết như nghĩa.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của tướng đó là chấp trước các tướng sắc, thanh v.v... sanh ra. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết của mộng là nghĩ đến cảnh giới hư vọng đã thọ dụng trước đây, rồi nương theo cảnh giới mộng ấy, đến khi tỉnh biết là dựa vào cảnh giới hư vọng không thật phát sanh. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết chấp trước là nghĩ đến các nghiệp đã nghe, đã làm lúc đầu mà phát sanh. Này Đại Tuệ! Ngôn thuyết vô thủ là từ vô thủ đến nay chấp trước hý luận, huân tập chủng tử phiền não mà phát sanh”.

Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Tôn giả Xá- lợi-phất thưa: Tất cả vạn pháp đều là ngôn ngữ văn tự, tướng của ngôn ngữ văn tự chính không hợp với nghĩa lý, vì nghĩa lý đúng như thật thì không nói năng diễn tả được. Nay Như Lai làm sao thuyết pháp? Đức Phật nói: Ta thuyết pháp là vì chúng sanh các ông đang phát sinh mà nói, nói về pháp không thể nói được, vì vậy nên nói về điều ấy. Những gì Ta nói là nói về ý nghĩa chứ không phải là văn tự, chúng sanh diễn tả là nói về văn tự chứ không phải là ý nghĩa. Không phải nói về ý nghĩa thì đều trống rỗng chẳng có gì. Lời nói trống rỗng lặng có gì thì không nói gì đến ý nghĩa, không nói đến ý nghĩa thì đều là vọng ngữ”.

Như nghĩa ngữ ấy là thật không chẳng không, không thật chẳng thật tách rời đối với hai tướng trung gian và bất trung, pháp của bất trung tách rời đối với ba tướng, vì không thấy xứ sở và Như Như giống như thuyết.

Như vậy trong năm loại ngôn thuyết, bốn loại trước vì ngôn thuyết hư vọng nên không thể bàn luận về Chân, một loại ngôn thuyết sau là ngôn thuyết đúng như thật nên được bàn luận đến Chân. Bồ-tát Mã Minh dựa vào bốn loại trước nên nói lìa tướng ngôn thuyết như vậy.

Danh có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là danh của tự tự. Hai là danh của tự ảnh. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Lại nữa, danh thân nghĩa là các chữ thuận theo tên gọi sai khác, từ chữ A cho đến chữ Ha gọi là danh thân”.

Trong kinh Đạo Phẩm giải thích như vậy: “Trong gương diễn tả giống nhau gọi là hiển ảnh danh”.

Chữ có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chữ dựa vào âm thanh. Hai là chữ dựa vào hư không.

Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Hơn nữa, tự thân là thanh điệu dài ngắn, âm vận cao thấp gọi là tự thân”. Trong kinh Đại Hải giải thích như vậy: “Đức Phật nói Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Trước kia ông đã hỏi, thế nào gọi là luân tự hư không, ấy là ví như chim bay giữa hư không, lúc vượt quá ánh sáng mặt trời phát ra mười loại hòa thanh, do đó luận tự hư không nên quán tưởng như vậy”. Như thế trong hai loại thì loại đầu của mỗi loại, không thể nào giải thích bày rõ chân lý rất sâu xa, loại sau của mỗi loại có thể giải thích được chân lý ấy. Nay dựa vào loại trước mà Bồ-tát Mã Minh nói: “Lìa tướng danh tự” như vậy.

Tâm lượng có mười loại. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Tâm Nhãn thức.
2. Tâm Nhĩ thức.
3. Tâm Tỷ thức.
4. Tâm Thiệt thức.
5. Tâm Thân thức.
6. Tâm Ý thức.
7. Tâm Mạt na thức.
8. Tâm A-lê-da thức.
9. Tâm Đa nhất thức.
10. Tâm Nhất nhất thức.

Trong mười loại như vậy, chín loại tâm đầu không duyên với chân lý, một loại tâm sau cùng có thể duyên với chân lý để làm thành cảnh giới. Nay dựa vào chín loại trước nên nói như vậy: “Lìa tướng tâm duyên”. Trong kinh Bốn Hữu giải thích như vậy: “Chân lý rất sâu xa không phải cảnh giới nào khác, chỉ duyên vào chỗ nương tựa của chính nó làm thành cảnh giới”. “Hoàn toàn bình đẳng, không có biến đổi, không thể phá hủy” là biểu hiện rõ công đức của ba loại lìa xa. Nghĩa là tất cả sai biệt dùng bốn loại ngôn thuyết hư vọng làm căn bản để chuyển biến. Chín loại Biến luận - mười loại Dị chấp của tất cả ngoại đạo, chỉ lấy Danh Tự làm căn bản chuyển đổi. Tất cả phiền não hủy hoại, chướng ngại, tất cả phá hoại, chướng ngại của đối tượng nhận thức, chỉ có dùng tâm pháp dựa vào để chuyển hóa. Nhưng trong thể của Chân lìa xa ba tướng nên đầy đủ ba đức. “Chỉ là một tâm nên gọi là Chân Như”, là tổng kết về Thể của Chân Như. “Do tất cả mọi ngôn ngữ diễn tả đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo niệm vọng nên không thể đạt được”, là biểu hiện rõ nhân duyên lìa xa ba tướng, nghĩa là vì tất cả mọi ngôn thuyết không có thật, tất cả đều là giả danh không thật,

tất cả tâm thức chỉ tùy theo niệm vọng nên không thể đạt được. Trong lý chân thật không thể nói năng diễn tả, vì nêu rõ lia xa ba tướng, do đó tướng hư giả và pháp như thật hết sức trái ngược nhau. Nói Chân như cũng không hề có tướng, là phần thứ hai lấy ngôn ngữ loại trừ lỗi lầm chấp trước. Nghĩa là chúng sanh ngu muội dấy lên chấp như vậy: Lia xa ba tướng đầy đủ trọn vẹn ba đức là lý của thể Chân như, tuy không có tướng giả mà có tướng thật, tự nhiên thường trú quyết định là thật có. Do chấp trước như vậy nên rơi vào chấp thường không biết lúc nào thoát ra được. Vì lý do này để loại trừ cách nhìn như vậy, nên nói Chân như cũng không hề có tướng. Nói “Đạt tới chỗ tột cùng của ngôn thuyết, dùng ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ” là trực tiếp chỉ ra nhân duyên vô tướng của Chân như. Nghĩa là mọi ngôn ngữ diễn tả đến mức tột cùng, đối với Chân như lại chẳng thể diễn tả hết. Đã đoạn tuyệt ngôn ngữ diễn tả, há có thể có tướng mà không có ngôn ngữ? Vì thế cần phải nhờ vào ngôn ngữ loại trừ ngôn ngữ, ngay sau đó có thể loại trừ Như Như đúng như diễn tả, đã loại trừ bốn loại ngôn thuyết hư vọng.

Trong kinh Đại Bồ Đai Duy Ma Cật giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Cư Na A Phiệt Đà Đa: Các đại chúng chúng tôi, tất cả mọi người đều tùy theo những niềm vui của mình, diễn tả nói ra tám ngàn pháp cùng một loại hướng về môn Bất nhị, nếu như thích hợp thì Duy Ma Cật vì đại chúng chúng tôi, lia xa ngôn thuyết để diễn tả ngôn thuyết, không phải bất nhị mà là bất nhị, loại trừ luôn sự gạt bỏ ô nhiễm của giả thuyết. Ngay sau đó, Duy Ma Cật lặng lẽ không nói gì. Lúc ấy, Văn-thù khen ngợi Duy Ma Cật: Lành thay! Lành thay! Như ngôn ngữ diễn tả về Như - như tai nghe theo lý Như. Lành thay! Lành thay! Đây chính là pháp môn bất nhị chân thật, đây chính là pháp môn bất nhị chân thật”.

Đã nói giải thích trực tiếp về thể Chân như, tiếp theo nói về phần giải thích tên gọi. “Thể Chân như này không gì có thể gạt bỏ, vì tất cả các pháp đều là chân thật”, là dựa vào Chân để giải thích tên gọi. “Cũng không có thể thiết lập, vì tất cả các pháp đều cùng là Như”, là dựa vào Như để giải thích tên gọi. Văn này trình bày rõ về nghĩa lý gì? Đó gọi là biểu hiện rõ không có trí đoạn chứng. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là đạo đoạn khởi lên tất nhân nơi đối trị chướng ngại, chứ không thể tự khởi. Nhưng trong thể Chân không có pháp nhiệm nào để có thể loại trừ, do đó cũng không có đạo đoạn của chủ thể đối trị. Vì sao? Vì không có một pháp nào không phải là thể của Chân. Vả lại, nếu như trí có chướng ngại, tùy theo tâm cao thấp, thì thích ứng kiến lập tất cả

các vị địa, nhưng trong thể của Như không có phần vị nào để có thể kiến lập, nên không hề có phương tiện nào có thể thiết lập. Vì sao? Vì không một pháp nào không phải là thể của Như. “Nên biết tất cả các pháp không thể diễn tả được, không thể suy nghĩ được, nên gọi là Chân Như”, là tổng kết những gì đã nói ở trên.

Đã nói về phần Thể tánh căn bản của Chân như, tiếp theo nói về phần phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ.

Hỏi: Nếu nghĩa lý như vậy thì các loại chúng sanh làm sao tùy thuận để có thể hội nhập được? Tức là sinh nghi dẫn đến chất vấn như vậy. Người chất vấn căn cứ vào những câu nào, phát sinh những nghi ngờ như thế? Đó là căn cứ vào câu “không thể diễn tả, không thể suy nghĩ được” mà phát sinh nghi ngờ, chất vấn về nghĩa tùy thuận. Căn cứ vào câu thứ hai là lấy ngôn ngữ loại trừ lỗi lầm chấp trước, phát sinh nghi ngờ chất vấn về phương diện có thể hội nhập được. Đối với câu Tùy thuận thì dứt khoát là nghi ngờ về nhân, với câu có thể hội nhập được thì dứt khoát là nghi ngờ về quả. Vì sao? Vì ngôn ngữ diễn tả khéo léo là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Văn Tuệ, Văn tạo thành Tuệ là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Tư Tuệ. Tư tạo thành Tuệ là phương tiện tùy thuận để sanh trưởng Tu Tuệ. Tất cả thiện giáo đạt tới chỗ tốt cùng của ngôn ngữ diễn tả, thì toàn bộ ba Tuệ ra sức hoàn thành đối với ý niệm về pháp. Nếu không có ngôn ngữ diễn tả thì không có ba Tuệ, nếu không có ba Tuệ thì không có vạn hạnh, mà pháp Chân như không thể diễn tả nên không có ngôn giáo. Không thể suy nghĩ thì không có ba Tuệ, không có ba Tuệ nên không thể thành tựu vạn hạnh của mười địa. Các loại chúng sanh lấy gì để dựa vào mà dần dần tiến tu? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn làm sao tùy thuận thực hành nhân nơi chủ thể khởi và có quả đức nơi đối tượng được khởi. Nếu không có nhân phát khởi thì không có chủ thể hội nhập. Nếu không có chủ thể hội nhập thì không thể chứng đắc đối tượng hội nhập. Chủ thể hội nhập gọi là tâm kim cang, đối tượng hội nhập gọi là địa kim cang. Đã không có nhân thì lấy gì làm cách thức để chứng thực hội nhập trong đại dương Nhất thiết chủng trí của Như Lai? Vì nghi ngờ như vậy nên dẫn đến chất vấn: Làm sao có thể hội nhập được? Hai câu hỏi như vậy là căn cứ vào môn sanh diệt mà nghi ngờ về môn Chân như. Nghĩa là có chúng sanh dấy lên nghi ngờ như vậy: Nếu như trong môn sanh diệt đoạn trừ tất cả mọi pháp ác, tu tập tất cả các pháp thiện, thì đầy đủ mọi nhân hạnh, quả đức viên mãn. Trong môn Chân như cũng lại như vậy, há môn Chân như “không thể nói” là bỏ pháp khéo gia hạnh, “không

thể nghĩ đến” là bài báng vị địa năm bậc sao? Nay đưa ra ý này khởi sự chất vấn như vậy.

Đáp: Nếu nhận thức được tất cả các pháp, tuy nói là không gì có thể nói mà lại đáng nói, tuy nghĩ đến cũng không có thể nghĩ được mà có thể nghĩ được, thì gọi là tùy thuận. Nếu như xa rời nói và suy nghĩ thì gọi là được hội nhập” tức là như thứ tự ấy để giải quyết hai nghi ngờ kia. Nói tùy thuận thì tự nó có hai loại. Thế nào là hai? Một là tùy thuận sinh diệt. Hai là tùy thuận Chân như. Trong tùy thuận sinh diệt lại có hai loại. Thế nào là hai? Một là tùy thuận hưởng thượng. Hai là tùy thuận hưởng hạ. Tùy thuận hưởng thượng là bắt đầu từ địa Tín cho đến địa kim cương, có năng lực làm phương tiện tùy thuận quả vị Bồ-đề. Tùy thuận hưởng hạ là từ địa Tạng tự tánh tịnh diệu cho đến địa Niệm tín thứ nhất, có năng lực làm phương tiện tùy thuận với địa Da Da. Nói tùy thuận hưởng thượng, là nhờ vào âm thanh ngôn ngữ diễn tả pháp vô thường sanh trưởng Văn Tuệ về vô thường. Dựa vào Văn tuệ về vô thường sanh trưởng Tư Tuệ về vô thường. Dựa vào Tư tuệ về vô thường sanh trưởng Tu tuệ về vô thường. Dựa vào Tu tuệ về vô thường sanh trưởng hành đức của vô thường. Đây gọi là hưởng thượng.

Nói tùy thuận hưởng hạ là dựa vào hành đức của thường sanh trưởng Tu Tuệ về thường. Dựa vào Tu Tuệ của thường sanh trưởng Tư Tuệ về thường. Dựa vào Tư Tuệ của thường, sanh trưởng Văn Tuệ về thường. Dựa vào Văn Tuệ của thường sanh trưởng ngôn ngữ diễn tả về thường. Đây gọi là hưởng hạ. Hai phương diện như vậy đồng thời đầy đủ không có trước sau, còn các biệt tướng chướng ngại trí, đến văn xứ tự sẽ giải thích rõ.

Trong môn Chân như nói như vậy: “Không thể nói” là vì không có âm thanh ngôn ngữ diễn tả về thường và vô thường. “Không thể nghĩ suy” là vì không có ba Tuệ về thường và vô thường, chứ không phải là không có ngôn ngữ diễn tả và suy niệm của chính nó để dấy lên giải thích: “Không thể nói, không thể nghĩ suy”. Do nghĩa này không thể dùng môn khác vấn nạn môn khác, là cái này có nên cái kia có, cái kia có nên cái này có. Nếu như vậy, trong môn Chân như ngôn ngữ diễn tả và suy niệm thuộc về tướng nào? Nghĩa là có ngôn ngữ diễn tả, không phải là âm thanh của thường - không phải là âm thanh của vô thường, là không thể diễn tả mà có thể diễn tả được Như Như đúng như diễn tả. Lại nữa, có suy niệm mà không phải là ba Tuệ về thường, không phải là ba Tuệ về vô thường, nghĩa là không thể suy niệm mà có thể suy niệm về ý niệm tịch diệt tịch tĩnh. Vì sao? Vì trong môn Chân như không hề

có gì qua lại mà chỉ trú trong tạp loạn.

Thế nào gọi là tùy thuận Chân như? Nghĩa là nếu nhận thức được tất cả các pháp tuy có nói, nhưng không có diễn tả nào nói về thường, không có diễn tả nào nói về vô thường, không có diễn tả nào có thể nói, không có diễn tả nào đáng nói. Đây gọi là tùy thuận với âm thanh Chân như. Nếu trái với tướng này thì gọi là điên đảo đối với âm thanh của Chân như.

Lại nữa, nếu nhận thức được tất cả các pháp tuy có suy niệm mà không có cái tuệ niệm về thường, không có tuệ niệm về vô thường, không có suy niệm nào có thể suy niệm, không có suy niệm nào đáng suy niệm. Đây gọi là tùy thuận với ý niệm tịch diệt tịch tĩnh. Nếu trái với tướng này thì gọi là điên đảo đối với ý niệm tịch diệt tịch tĩnh.

Đã nói về phần tướng tùy thuận, tiếp theo giải đáp nghi ngờ về nghĩa “Được hội nhập”. Trong này có hai vấn đề. Thế nào là hai? Một là Sanh diệt được hội nhập. Hai là Chân như được hội nhập. Trong phần Sanh diệt được hội nhập lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là Được hội nhập hưởng thượng. Hai là Được hội nhập hưởng hạ. Nói được hội nhập hưởng thượng, tức là địa Kim Cang. Nói được hội nhập hưởng hạ tức là địa Da Da. Câu: “Cần tùy thuận là phải quán sát kỹ.

Chân như được hội nhập” là nương tựa vào tự nó. Vì sao gọi là được hội nhập? Nghĩa là an trú lẫn trong nhau. Được hội nhập thế nào? Nghĩa là xa rời mọi diễn tả suy niệm. Xa rời diễn tả suy niệm là như thế nào? Nghĩa là môn Chân như hoàn toàn chẳng phải là ngôn ngữ diễn tả và cũng đều chẳng phải là suy niệm, vì vậy nói nếu xa rời mọi diễn tả suy niệm thì gọi là được hội nhập, do đó lời chuyển thứ nhất được thành tựu. Lời chuyển thứ hai mỗi nghi quyết định loại trừ thì nghĩa lý được sáng tỏ.

Đã nói về phần phát khởi vấn đáp giải quyết nghi ngờ. Tiếp theo nói về phần nhờ vào diễn tả bày ra tướng của Chân như. Trong này có hai Môn. Thế nào là hai? Một là môn Chân như như thật không. Hai là môn Chân như như thật bất không. Như thật không, là trong thể Như Như có hằng hà sa số tất cả các pháp nhiễm, thấy đều trống rỗng không có gì. Như thật bất không, là trong thể Như Như có hằng hà sa số tất cả các pháp tịnh, thấy đều đầy đủ hoàn hảo không hề thiếu gì. Hai môn như vậy thuận theo có đủ tất cả và không tách rời nhau. Đối với điều này phải đọc lời tụng về nghĩa lý u huyền. Như tụng ấy nói:

*Lìa xa ba tướng giả
Tròn đầy ba đức thật*

Vì những nhân duyên ấy
 Thể chân như kiến lập.
 Lìa xa tướng bốn câu
 Viên mãn đức bốn pháp
 Do nhân duyên như vậy
 Tướng chân như kiến lập.
 Tất cả hành sai lầm
 Ba - bốn tướng làm gốc
 Tất cả phẩm công đức
 Ba - bốn đức làm gốc.
 Những nhân duyên như vậy
 Không tăng cũng không giảm
 Chỉ đối số lượng phẩm
 Tạo an lập như vậy.

Nay đọc lời tụng này, cần phải giữ lấy môn Chân như, vì lìa cảnh giới suy niệm chỉ chứng đạt tướng ứng, là chứng đạt trong sự an trú lẫn lộn chứ không phải là chứng đạt trên phương diện qua lại.

Đã nói về môn tâm Chân như, tiếp đến nói về môn tâm sanh diệt.

Bổn Luận nói: Tâm sanh diệt là dựa vào Như Lai tạng nên có tâm sanh diệt. Điều ấy nghĩa là bất sanh, bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt, không phải đồng nhất không phải dị biệt, gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực thấu gồm tất cả các pháp, có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác.

Luận giải thích: Trong này có hai phương diện. Thế nào là hai? Đó là:

1. Đối tượng được dựa là môn tổng tướng.
2. Chủ thể dựa là môn biệt tướng.

Ở đây có hai loại, an trú tư duy, thuận theo quán sát. Nghĩa là môn sanh diệt lấy nhất tâm làm nơi nương tựa. Môn sanh diệt thấu tóm nghĩa giác và bất giác, vì A-lê-da làm nơi nương tựa. Trước tiên nói về nghĩa Giác thứ nhất: Tâm sanh diệt là vì có đề xướng phần trên nên thiết lập phần dưới. Do chủ thể dựa nơi Như Lai tạng thì đối tượng nương dựa nhất tâm, đối tượng nương dựa đó là nhiều hay một tâm cũng gọi là Như Lai tạng. Tức là chữ tâm trên, trở xuống dưới kiến lập tên gọi khác. Có tâm sanh diệt, là pháp môn của chủ thể nương dựa, nghĩa là môn sanh diệt. Nay sẽ căn cứ vào kinh hiện bày rõ về môn Như Lai tạng. Môn

Như Lai tạng có số lượng bao nhiêu? Nay Như Lai tạng này, nơi nào thâm tóm? Tụng nói:

*Như Lai tạng có mười
Các kinh giải thích khác
Như Lai tạng ở đây
Hành tướng thâm tóm.*

Luận nói: Như Lai tạng có mười loại, vì trong các kinh giải thích phân biệt khác nhau. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Như Lai tạng đại tổng trì, vì thâm tóm hết tất cả Như Lai tạng. Trong kinh Chư Phật Vô Tận Tạng giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù: Có Như Lai tạng, tên là Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên mãn Đà-la-ni, thâm gồm tất cả các Tạng, không gì là không thông suốt - không gì là không thích hợp, viên mãn của sự viên mãn, bình đẳng của sự bình đẳng, tất cả các Như Lai tạng vốn có, không tạng nào là không lấy đây làm căn bản. Tại sao? Vì Như Lai tạng này là Như Lai tạng Vương - Như Lai tạng Chủ, là Như Lai tạng Thiên - Như Lai tạng Địa. Do các nghĩa ấy nên gọi là Như Lai tạng Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên mãn Đà-la-ni”. Văn kinh này giải thích về nghĩa gì? Đó là nói rõ tổng tướng nơi đối tượng nương dựa của tạng Đà-la-ni. Trong các kinh khác thì Như Lai tạng là biệt tướng của chủ thể nương dựa. Dùng nghĩa nào mà gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa thâm giữ.

2. Như Lai tạng xa chuyển xa buộc, do chỉ một thể thanh tịnh, một thể viên mãn. Trong kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Này Phật tử! Như Lai tạng chỉ có giác ngộ, chỉ có Như Như, lìa nhân lưu chuyển - lìa sự ràng buộc của suy nghĩ nhận thức, tất cả đều sáng rõ. Vì vậy gọi là Như Lai tạng”. Văn kinh này giải thích về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về môn Chân như chỉ một tâm, không có nhân mê lầm - không có nhân giác ngộ, không có quả mê lầm - không có quả giác ngộ, vì một Chân một Như chỉ có thể thanh tịnh tuyệt đối của Như Lai. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là không hề lẫn tạp.

3. Như Lai tạng cùng hành cùng tướng, Pháp thân Như Lai cùng với sức mạnh của sự lưu chuyển đều khiến được che giữ. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Như Lai tạng làm nhân cho thiện và bất thiện nên cảm thọ khổ hay vui, cùng với nhân đều có hoặc sanh hoặc diệt, giống như người có pháp thuật kỳ ảo”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ môn sanh diệt chỉ một tâm, đối với mê lầm cho lực, cũng đối với giác ngộ cho lực nảy sinh các pháp sanh tử và Niết-bàn, giống như người không phải là huyễn ảo mà biến hóa kỳ

ảo, đối với các sự việc huyền ảo, thuận theo những thích ứng mà cho lực dụng. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa khiến được che giấu.

4. Như Lai tạng Chân như chân như, vì chỉ có Như Như. Trong kinh Chân Tu giải thích như vậy: “Như Lai tạng Như lý - Như lý, chẳng kiến lập, chẳng phủ báng, chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường, chẳng phải là sự chứng đắc của thể trí đích thực, cũng chẳng phải là cảnh giới nơi đối tượng duyên của ý và ý thức. Tại sao? Vì chỉ có lý lý chứ không có điều gì khác”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ lý tánh Chân như trong môn Chân như, chỉ có lý là lý của tự nó chứ không phải là lý của trí. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Là nghĩa không có lý tánh khác.

5. Như Lai tạng Sanh diệt, chân như: Là bất sanh bất diệt bị nhiễm do sanh diệt. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Phạm phu ngu si không hiểu biết gì, chấp trước các pháp không dừng lại khoảnh khắc nào, thuận theo các tà kiến, nói: Pháp vô lậu cũng không dừng lại trong khoảnh khắc, do đó phá đổ Chân như nơi Như Lai tạng kia. Vả lại, này Đại Tuệ! Như Lai tạng Kim cang là pháp Như Lai chứng đạt, không phải là không dừng lại trong khoảnh khắc. Này Đại Tuệ! Pháp Như Lai chứng đạt nếu không dừng lại trong khoảnh khắc, thì tất cả Thánh nhân không trở thành Thánh nhân được”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ lý tánh Chân như trong môn sanh diệt, lia xa tướng của vô thường và là pháp bất sanh bất diệt. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là vì bị vấy nhiễm.

6. Như Lai tạng không, vì tất cả các không phủ kín Như Lai tạng. Trong kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng không, hoặc xa lìa - hoặc thoát khỏi - hoặc khác biệt với tất cả tạng phiền não”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về tất cả các pháp nhiễm trong môn sanh diệt, vì che kín tự tướng nơi Bản giác và vô lượng tánh công đức. Do nghĩa nào mà tất cả các pháp nhiễm gọi chung là không? Đó là vì tất cả các pháp nhiễm đều là huyền hóa sai biệt, Thể tướng không có thật và tác dụng chẳng rõ nên gọi là không, nhưng có thể che kín Đức chân thật và Thể thực sự của Pháp thân Như Lai, vì vậy gọi là Như Lai tạng. Vì thuận theo năng lực tàng trữ ô nhiễm mà thiết lập tên gọi.

7. Như Lai tạng bất không, vì tất cả bất không bị nhiễm do không. Trong kinh Thắng Man giải thích như vậy: “Thưa Thế Tôn! Như Lai tạng bất không vượt quá hàng sa số pháp Phật không lìa xa - không thoát

khỏi - không khác biệt và không nghĩ bàn được”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về tự tướng Bốn giác trong môn sanh diệt, đầy đủ tất cả mọi công đức vượt quá hằng sa số, bị vấy nhiễm do tất cả các pháp nhiễm vượt quá hằng sa số. Do nghĩa nào mà tất cả các pháp tịnh gọi chung là bất không? Đó là tác dụng thắng diệu thật sự trong tự thể của tất cả các pháp tịnh, lìa xa hư giả, vượt lên trên mọi giả dối không thật, vì thế gọi là bất không. Bị che lấp do pháp nhiễm nên gọi là Như Lai tạng, đến lúc xuất hiện gọi là Pháp thân, vào lúc khuất kín thì gọi là Như Lai tạng, thuận theo nghĩa thanh tịnh được tàng trữ mà thiết lập tên gọi đó.

8. Như Lai tạng năng nhiếp, là tịnh tâm của tự tánh trong tạng vô minh, có năng lực thâm gồm tất cả các công đức. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Như Lai tạng bản tế tương ưng với thể và pháp thanh tịnh, pháp này là pháp Phật như thật - không hư vọng - không tách rời - không đọa lạc, là trí không thể nghĩ bàn. Từ vô thủy đến nay, pháp thể tương ưng và thanh tịnh ấy đã có”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ tâm thanh tịnh của tự tánh của tất cả các chúng sanh từ vô thủy đến nay đầy đủ ba trí, trọn vẹn bốn đức và không có thiếu sót. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Vì tâm điên đảo không nhận thức rõ được, thuận theo chủ thể và đối tượng thanh tịnh mà thiết lập tên gọi.

9. Như Lai tạng sở nhiếp, tất cả pháp nhiễm tàng trữ trong địa phận của vô minh, đã tách ra và đầy đủ trọn vẹn tánh giác là đối tượng được thâm tóm. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Bản tế của Như Lai tạng không tương ưng với thể và pháp phiền não triền là pháp không thanh tịnh. Bản tế của pháp này tách rời, thoát ra không tương ưng, với pháp phiền não triền không thanh tịnh, vì vậy chỉ có trí tuệ Bồ-đề của Như Lai mới có thể đoạn trừ”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ Trí giác tròn đầy của Phật, đoạn trừ tất cả mọi chướng ngại - có đủ Nhất thiết trí, trí sáng tỏ là bên ngoài - chướng ngại tối tăm là bên trong, tất cả pháp nhiễm được trí thâm giữ. Do nghĩa nào gọi là Như Lai tạng? Nghĩa là thâm giữ.

10. Như Lai tạng ẩn phủ, vì pháp thân Như Lai bị phiền não che kín không lộ bày được. Trong kinh Bất Tăng Bất Giảm giải thích như vậy: “Như Lai tạng vào thời gian vị lai luôn bình đẳng cùng với pháp có sự tồn tại, đây là căn bản của tất cả các pháp, đầy đủ tất cả các pháp - vốn có tất cả các pháp, do đó ở trong pháp thế gian không hề tách rời và không thoát ra”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ

thể của nhiều tâm, một tâm, bình đẳng ở pháp giới khắp cả ba đời, hoàn toàn có đầy đủ các pháp nhiệm và tịnh, do đó không nơi nào là không thông suốt - không nơi nào là không đến được. Vả lại, vì biểu hiện tâm thanh tịnh c tự tánh trong môn tùy duyên, bị che giấu, ẩn kín nơi pháp nhiệm nên Pháp thân Như Lai không xuất hiện được. Đây gọi là mười tên gọi. Như vậy trong mười tên Như Lai tạng này, Như Lai tạng hiện nay là thuộc về Như Lai tạng cùng hành cùng tướng.

Đã nói về môn Như Lai tạng, tiếp theo nói về môn thức A-lê-da. Đó là bất sanh bất diệt cùng với sanh diệt hòa hợp, chẳng phải đồng nhất, chẳng phải dị biệt, gọi là thức A-lê-da, là lược bớt tên gọi phân biệt, là kiến lập tên gọi đầy đủ, tuy nghĩa lý đầy đủ mà ngôn từ chưa đầy đủ. Bất sanh, bất diệt cùng với sanh diệt đã nói trong đây, thì những pháp của mỗi loại là như thế nào và giới hạn thích hợp ra sao? Tụng nêu:

*Thâu chung pháp vô vi
Gọi là không sanh diệt
Thâu chung pháp hữu vi
Nên gọi là sanh diệt*

Luận nói: Thâu tóm toàn bộ tất cả các pháp vô vi, vì vậy gọi là bất sanh bất diệt, là tổng tướng của các pháp vô vi bất sanh bất diệt. Thâu tóm toàn bộ tất cả các pháp hữu vi, vì thế gọi là sanh diệt, nên nói sanh diệt là tổng tướng của các pháp hữu vi. Như vậy, hai pháp hữu vi và vô vi, mỗi loại có số lượng bao nhiêu, tên gọi như thế nào? Tụng nói:

*Vô vi tuy vô lượng
Lược nói có bốn loại
Là Chân như, Bốn giác
Thỉ giác cùng hư không.
Hữu vi tuy vô lượng
Lược nói có năm thứ
Là vô minh căn bản
Cùng phẩm của bốn tướng.*

Luận nói: Pháp vô vi có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Vô vi của Chân như.
2. Vô vi của Bốn giác.
3. Vô vi của Thỉ giác.
4. Vô vi của Hư không.

Đây gọi là bốn loại.

Pháp hữu vi có năm loại. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Hữu vi của vô minh căn bản.
2. Hữu vi của tướng sanh.
3. Hữu vi của tướng trụ.
4. Hữu vi của tướng dị.
5. Hữu vi của tướng diệt.

Đây gọi là năm loại.

Vả lại, bốn pháp vô vi lấy gì làm thể, có tác dụng như thế nào?

Tụng nói:

*Dựa vào có hai loại
Đó là chung và riêng
Như thế, dụng cũng vậy
Thuận giải nên quán sát!*

Luận nói: Vô vi của Chân như có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung là chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì lý nơi pháp tịch tĩnh lấy đó làm thể.

Vô vi của Bốn giác có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì trí vốn có tự nhiên và lấy đó làm thể.

Vô vi của Thủ giác có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt thì trí khởi lên từ nơi khác và lấy đó làm thể.

Vô vi của Hư không có hai chỗ dựa. Thế nào là hai? Đó là:

1. Chỗ dựa chung, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp vốn có trong một tâm và lấy đó làm thể.

2. Chỗ dựa riêng, là trong môn sanh diệt không hề có sự việc gì và lấy đó làm thể. Đây gọi là hai loại chỗ dựa.

Vả lại, vô vi của chân như có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại?

Đó là:

1. Dụng chung, là làm cho tất cả các pháp được sanh ra.

2. Dụng riêng, là làm cho không mất tánh của sự bình đẳng.

Vô vi của bốn giác có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung, là không giữ lấy tự tánh.
2. Dụng riêng, là không chuyển biến.

Vô vi của Thủ giác có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung là thuận theo vọng chuyển.
2. Dụng riêng là đối trị sai lầm của mình.

Vô vi của Hư không có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó

là:

1. Dụng chung là cần muốn có khiến cho có.
2. Dụng riêng là khiến không mất tánh rỗng lặng không có.

Đây gọi là hai tác dụng. Chung được nói trong này là nghĩa từ nơi khác và riêng là nghĩa từ bản thân. Dựa vào hai lời này nên quán sát rộng ra. Các loại biệt tướng đến xứ văn, tự sẽ giải thích, biểu hiện.

Năm loại hữu vi lấy gì làm thể, có tác dụng như thế nào? Tụng nói:

*Dựa đều có hai loại
Đó là chung và riêng
Như thể - dụng cũng vậy
Thuận giải nên quán sát!*

Luận nói: Hữu vi của vô minh căn bản có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là sức mạnh to lớn trú giữ trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng sanh có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phân tế trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng trụ có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.

2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phân thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng dị có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.
2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phần thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại nương dựa. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dựa chung, là pháp vốn có trong một tâm chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi và lấy đó làm thể.
2. Dựa riêng, là pháp nhiệm phần thô trong môn sanh diệt và lấy đó làm thể. Đây gọi là hai loại nương dựa.

Lại nữa, vô minh căn bản có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là có năng lực nảy sanh tất cả các pháp nhiệm.
2. Dụng riêng, là tùy những nơi đạt đến, tạo những điều chướng ngại.

Hữu vi của tướng sanh có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là đối với hạng thượng, hạ, trung đều có năng lực của nó.
2. Dụng riêng, là tùy theo những nơi đến, dấy khởi những điều chướng ngại. Như nói về tướng sanh, tướng trú và tướng diệt cũng vậy.

Hữu vi của tướng diệt có hai loại tác dụng. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Dụng chung, là đối với phần trên và tự bản thân có cùng năng lực của mình.
2. Dụng riêng, là có khả năng gây ra mọi chướng ngại. Đây gọi là hai loại tác dụng. Các loại biệt tướng còn lại tại nơi văn sẽ giải thích, biểu hiện rõ.

Do nghĩa nào mà giải thích như vậy? Vì tất cả các pháp hữu vi và vô vi, chung lấy một tâm để làm thể của mình, do đó trong các kinh đều giải thích như vậy. Các kinh nào? Đó là kinh Đạo Trí. Giải thích thế nào? Ở trong kinh ấy giải thích: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trước Đức Phật thưa: Thưa Thế Tôn! Thức A-lê-da vốn có tất cả các pháp, đầy đủ tất cả các pháp, vô lượng vô biên số vượt quá hằng hà sa, các pháp như vậy lấy gì làm căn bản và phát sanh ở tại nơi nào? Đức Phật dạy: Tất cả các pháp hữu vi và vô vi như vậy, sanh ra từ nơi thù thắng

không thể nghĩ bàn được. Tại sao? Vì ở tại nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, nhưng có năng lực phát sanh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại thưa với Đức Phật: Thưa Thế Tôn! Tại sao gọi là nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi? Đức Phật dạy: Nơi chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, nghĩa là ngay nơi pháp vốn có trong một tâm này, chẳng phải hữu vi nên có năng lực tạo ra hữu vi, chẳng phải vô vi do đó có năng lực làm ra vô vi, vì vậy Ta nói sanh ra từ nơi thù thắng không thể nghĩ bàn được. Vả lại, này người thiện nam! Ví như thứ dân có hai nơi nương tựa, một là nhà vua, hai là cha mẹ. Tất cả các pháp hữu vi và vô vi cũng lại như vậy, mỗi loại đều có hai nơi nương tựa, đó là dựa vào sự thông đạt và dựa vào các chi phần. Hơn nữa, này người thiện nam! Ví như tất cả các loại cỏ cây có hai nơi nương tựa, một là mặt đất. Hai là hạt giống, tất cả các pháp hữu vi và vô vi cũng lại như vậy, mỗi loại đều có hai nơi nương tựa, đó là dựa vào sự thông đạt và dựa vào các chi phần, cho đến nói rộng”. Cùng hòa hợp, chính là bày rõ sự sai biệt của chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập. Bày rõ như thế nào? Đó là biểu hiện rõ các pháp nhiệm và tịnh, có năng lực hay không có năng lực, đều có sự hơn kém lẫn nhau. Nay sẽ làm thành hai Môn để giải thích rõ. Thế nào là hai Môn? Đó là:

1. Môn hạ chuyển.
2. Môn thượng chuyển.

Trong môn sanh diệt không ra ngoài hai Môn này, hai Môn như vậy sai biệt thế nào? Tụng nói:

*Các pháp nhiệm có lực
Các pháp tịnh không lực
Bỏ gốc, chuyển xuống thấp
Gọi là môn hạ chuyển.
Các pháp tịnh có lực
Các pháp nhiệm không lực
Hướng nguồn, chuyển lên trên
Gọi là môn thượng chuyển.*

Luận nói: Vì các pháp nhiệm và tịnh đều có sự hơn kém lẫn nhau, nên hai loại môn chuyển được thành lập. Nay trước tiên sẽ giải thích phần đầu nói về môn hạ chuyển. Vô minh căn bản lấy những pháp thuộc loại nào làm đối tượng huân tập, ở trong thời gian nào tiến hành công việc huân tập? Tụng nói:

*Sở huân có năm loại
Là tâm một pháp giới*

*Cùng bốn loại vô vi
 Không đầu - chẳng giữa sau
 Vì chọn lấy đầu - giữa - sau
 Như khế kinh nói rõ.*

Luận nói: Vô minh căn bản lấy năm loại pháp để làm đối tượng huân tập. Đó là một pháp giới và bốn vô vi. Huân tập một pháp giới thì tướng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Một loại tâm pháp giới
 Có hai thứ tự tại
 Là hữu vi, vô vi
 Vô minh căn bản này
 Dựa vào tự tại đầu
 Thực hiện sự huân tập.*

Luận nói: Một tâm pháp giới có hai loại tự tại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Hữu vi tự tại, có thể vì pháp hữu vi làm thành nơi nương dựa.

2. Vô vi tự tại, có thể vì pháp vô vi làm nơi nương dựa. Vô minh căn bản dựa vào hữu vi tự tại, có thể dấy tạo huân tập các pháp, chứ không phải là vô vi tự tại. Trong kinh Trung Thật giải thích như vậy: “Vô minh căn bản huân tập tùy theo giới hạn thích hợp nơi nương dựa của nó, chứ không phải là nơi nương dựa nào khác”. Huân tập pháp Chân như thì tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Pháp chân như vô vi
 Có hai loại tác dụng
 Đó là chung và riêng
 Quyết trạch như trước nói.
 Vô minh căn bản này
 Dựa tác dụng thứ nhất
 Để thực hiện huân tập
 Vô vi khác cũng vậy.*

Luận nói: Vô vi của chân như có hai loại tác dụng, đó là chung và riêng, như trước đã nói. Vô minh căn bản dựa vào tác dụng thứ nhất, có thể dấy khởi huân tập các pháp, không phải là tác dụng thứ hai. Như nói về vô vi của chân như, ba pháp vô vi còn lại cũng như vậy, đều dựa vào tác dụng thứ nhất chứ không phải là tác dụng thứ hai. Vô minh căn bản tùy theo lúc dấy khởi huân tập các pháp, chẳng phải là đầu cũng chẳng phải giữa và sau, vì chọn lấy cả đầu - giữa và sau. Trong kinh Bốn Trí giải thích như vậy: “Năng lực mạnh mẽ của vô minh vào lúc dấy khởi

huân tập các pháp, thì đầu và giữa - sau đều cùng một lúc chọn lấy, không phải là chọn lấy riêng biệt”.

Ở đây đã nói về chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập, do nghĩa gì gọi đó là huân? Nghĩa là có năng lực dẫn dắt pháp ấy, để hợp với tự thể mà không tách rời nhau, cùng tiến hành, cùng chuyển đổi nên gọi là chủ thể huân tập. Lại có năng lực làm cho pháp kia không tạo chướng ngại, như tùy thuận không trái ngược, vì thế gọi là đối tượng được huân tập. Nghĩa là năm pháp hữu vi là chủ thể huân tập bốn thứ pháp vô vi và tâm một pháp giới. Đối tượng huân tập là năm pháp thuận theo mà xuất hiện, nhưng cùng với năm chủ thể huân tập có thể hòa hợp qua lại với nhau và cùng chuyển đổi. Vì vậy nói bất sanh bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt. Như pháp vốn có của một tâm hoàn toàn vô minh là chỗ nương dựa, dựa vào hữu vi tự tại làm sự huân tập, bốn tướng hữu vi nên biết như vậy. Như vô minh căn bản dựa vào tác dụng thông đạt của bốn pháp vô vi, có thể thực hiện sự huân tập, bốn tướng hữu vi nên biết như vậy. Những nghĩa như thế đến phần tự quyết định chọn lựa thì lý ấy sẽ rõ.

“Chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác biệt” chính là mở bày rõ sự sai biệt về đồng nhất hay khác biệt của pháp hữu vi và vô vi. Mở bày rõ thế nào? Đó là vì muốn biểu hiện rõ vô vi tự tại trong tâm một pháp giới. Bốn loại vô vi với những tác dụng riêng biệt, cùng với hữu vi tự tại trong tâm một pháp giới. Bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, lý không như nhau nên gọi là chẳng phải đồng nhất. Vì muốn biểu hiện rõ tiếp nhận năng lực huân tập pháp nhiệm - hữu vi tự tại trong tâm một pháp giới và bốn loại vô vi với tác dụng thông đạt, cùng với năm loại hữu vi có năng lực thực hiện huân tập, lý đó không khác nhau, vì thế gọi là chẳng phải khác. Hơn nữa, pháp tịnh là đối tượng huân tập cùng với pháp nhiệm là chủ thể huân tập, tất cả đều sai biệt nên gọi là chẳng phải đồng nhất. Chủ thể huân tập và đối tượng được huân tập cùng một tâm tạo ra, không có nơi nào khác nên gọi là chẳng phải khác biệt. Gọi là thức A-lê-da, là tổng kết về chữ viên mãn.

Đã nói về môn hạ chuyển, tiếp đến nói về môn thượng chuyển. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyển này, cần phải căn cứ vào các lời kinh điển. Trong kinh Lăng Già Vương giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với đại chúng: Các Phật Tử! Ta nhớ xưa kia, trong lúc đi ra, Ta đến nương nhờ người khác. Trong lúc đi vào, người khác đến nương nhờ Ta”. Văn kinh này trình bày về nghĩa gì? Đó là biểu hiện rõ về hai chuyển. Biểu hiện rõ như thế nào? Nghĩa là trong lúc đi ra, Ta

đến nương nhờ người khác, tức là chuyển hạ. Trong lúc đi vào, người khác đến nương nhờ Ta, tức là chuyển thượng. Nghĩa này là thế nào? Ta có nghĩa là Phật, là Chân như, Bản giác, Như Lai tạng. Đến là nghĩa của sự tiếp nhận huân tập. “Nương nhờ người khác” là trái với Bản giác của mình mà dựa vào vô minh của nơi khác. Căn cứ vào văn kinh này, tiến hành giải thích như vậy, nên nói bất sanh bất diệt hòa hợp cùng với sanh diệt, tức là môn hạ chuyển. Nếu muốn thành lập môn thượng chuyển, thì có thể nói sanh diệt hòa hợp cùng với bất sanh bất diệt. Vì nghĩa này nên trong Luận Huyền Lý vẫn giữ lại lời nói ấy. Bồ-tát Mã Minh, vốn đề cập đến A Thế Da, so với nghĩa kế tiếp thì phân minh, đưa ra một gồm đủ một mà phỏng theo bày tỏ. Vì vậy không có sai lầm thiếu sót. Nghĩa của chuyển thượng đối với phần đối trị, lý đó tự sáng tỏ. Đã nói về môn thượng chuyển, tiếp theo nói về phần thâm tóm đầy đủ để an lập. Các thức sai biệt số lượng đó có bao nhiêu, trong những kinh nào giải thích và tất cả có bao nhiêu loại thức? Tụng nói:

*Mâu Ni Đại Giác Tôn
 Một đời thuyết Thánh giáo
 Hợp chung có mười loại
 Các kinh nói khác nhau.
 Một loại là đầu tiên
 Mười loại thành sau cuối
 Các kinh quy về gốc
 Giải thích biểu hiện rõ.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các kinh nêu giảng khác nhau trong các Thánh giáo tuyên thuyết một đời, gồm có mười loại. Nghĩa là từ một loại thức cho đến mười loại thức. Thế nào là mười loại kinh sai biệt? Đó là:

1. Thiết lập một loại thức thâm gồm toàn bộ các thức. Trong này có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là thiết lập hết thảy một tâm thức thâm tóm chung các thức. Đó là dùng một tâm thức hiện hữu khắp hai loại tự tại, không nơi nào là không an lập. Trong kinh Nhất Tâm Pháp Giới giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhờ vào sức uy thần của Đức Phật, tức thì thừa Phật: Thừa Thế Tôn! Ngài giải thích về bao nhiêu loại thức, thể tướng như thế nào? Xin hãy vì con mở bày phân biệt rõ! Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay! Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông vì các đại chúng nên thưa hỏi việc này, hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ, nhớ rõ điều ấy, Ta sẽ phân biệt giải thích. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa: Lành thay Đức Thế Tôn! Con xin

vui muốn được nghe! Đức Phật nói với Văn-thù-sư-lợi: Ta chỉ kiến lập một loại thức, những thức khác chẳng phải kiến lập. Vì sao thế? Vì một loại thức ấy gồm nhiều các loại thức, thức này có nhiều loại lực, có thể làm thành tất cả các loại tên gọi, mà chỉ một thức, hoàn toàn không có pháp khác. Vì vậy Ta nói chỉ kiến lập một loại thức, những thức còn lại không phải kiến lập”. Hai là thiết lập thức A-lê-da thu tóm toàn bộ các thức. Đó là dùng thức A-lê-da, có đầy đủ nghĩa chướng ngại và không chướng ngại, không có nơi chốn nào là không thu tóm. Trong kinh A Lê Da Thức giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Quán Tự Tại liền bạch Đức Phật: Thưa Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thông đạt tổng tướng nơi thức? Do nghĩa gì gọi là tổng tướng? Đức Phật nói với Bồ-tát Quán Tự Tại: Thông đạt tổng tướng nơi thức ấy chính là thức A-lê-da. Thức này có sự ngăn ngại và không ngăn ngại, vốn có tất cả các pháp và đầy đủ tất cả các pháp, ví như biển cả là tên gọi tổng tướng của mọi sóng nước. Vì nghĩa này nên gọi là Tổng tướng”. Ba là thiết lập thức Mạt na thu tóm toàn bộ các thức. Đó là vì thức Mạt-na có đầy đủ nghĩa của mười một loại và không có nghĩa lý nào không thu tóm. Trong kinh Hiện Liễu giải thích như vậy: “Các loại tâm thức tuy có vô lượng, nhưng chỉ thức Mạt-na chuyển đổi chứ không có pháp nào khác. Vì sao? Vì thức Mạt na này vốn có đủ mười một loại nghĩa, không có loại nào không làm được”. Bốn là thiết lập một ý thức thu tóm chung các thức. Đó là vì ý thức có bảy loại chuyển biến tự tại, tùy theo năng lực thực hiện được sự việc của nó. Trong kinh Thất Hóa giải thích như vậy: “Ví như người có phép thuật biến hóa kỳ ảo chỉ là một người, dùng lực của phép thuật biến hóa hiện ra bảy người, người ngu si trông thấy nói là có bảy người, nhưng người trí tuệ nhìn thấy chỉ có một người chứ không có bảy người nào khác. Như người có phép thuật kỳ ảo ý thức cũng lại như vậy, chỉ một thức có năng lực thực hiện được bảy sự việc, hàng phàm phu trông thấy nói là có bảy sự việc, nhưng người giác ngộ nhìn thấy chỉ có ý thức chứ không có bảy sự việc nào khác”. Đây gọi là bốn Kinh kiến lập cùng một loại thức.

2. Thiết lập hai loại thức thu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là hai loại? Một là thức A-lê-da. Hai là ý thức. Thức A-lê-da là đưa ra tổng quát ba thức: Nghiệp, Chuyển, và Hiện. Ý thức là đưa ra tổng quát bảy loại thức chuyển. Trong kinh Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Nói rộng có tám loại thức, nói lược thì có hai loại thức. Thế nào là hai loại? Một là thức liễu biệt. Hai là thức phân biệt sự”. Cho đến nói rộng.

3. Thiết lập ba loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là ba loại? Một là thức A-lê-da. Hai là Thức Mạt-na. Ba là ý thức. Thức A-lê-da là nêu tổng quát ba tướng của thức. Thức Mạt-na là chỉ thẳng đến ý căn. Ý thức là nêu tổng quát sáu loại chuyển thức. Trong kinh Từ Vân giải thích như vậy: “Lại nữa, này Kính Thủ! Nói rộng có mười loại thức, nói tổng quát có ba loại thức. Thế nào là ba loại? Một là thức tế tướng tánh. Hai là thức căn tướng tánh. Ba là thức phân ly tướng tánh, cho đến nói rộng”.

4. Thiết lập bốn loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là bốn loại? Đó là trong ba loại trước thêm vào một tâm thức. Trong Kinh Vô Tướng giải thích như vậy: “Pháp của thức tuy là vô lượng, nhưng không ra ngoài bốn loại thức. Thế nào là bốn loại? Một là thức sở y bốn nhất. Hai là thức năng y trì tạng. Ba là thức ý trì, . Bốn là thức biến phân biệt. Cho đến nói rộng”.

5. Thiết lập năm loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là năm loại? Đó là trong bốn loại trước , thêm vào Tùy thuận biến chuyển thức”. Trong kinh Đại Vô Lượng giải thích như vậy: “Lại nữa, có thức, không phải là những thức kia đầu gồm mà hiện bày khắp các thức ấy, đó là thức tùy thuận biến chuyển”.

6. Thiết lập sáu loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là sáu loại? Đó là năm thức riêng biệt như nhãn, nhĩ... và thức thứ sáu là ý thức. Trong Kinh Tứ Thánh Đế giải thích như vậy: “Đức Phật bảo Thọ Vương: Ta vì các chúng sanh căn cơ nhỏ yếu, dùng ý bí mật, khởi xướng lên như vậy: Chỉ có sáu thức chứ không có thức nào khác. Nhưng thật ra thì chủ ý là muốn khiến cho hạng đó biết trong sáu loại thức vốn có tất cả các thức, do đó ở giữa đại chúng nói rõ như vậy”.

7. Thiết lập bảy loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là bảy loại? Đó là trong sáu loại trước thêm vào thức Mạt na. Trong Kinh Pháp Môn giải thích như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Pháp của thức có bảy loại. Thế nào là bảy loại? Đó là sáu thức thân và thức Mạt na. Bảy thức như vậy hoặc là chuyển đổi cùng một lúc, hoặc là chuyển đổi có trước sau. Vả lại, thức thứ bảy có năng lực thù thắng, có lúc tạo tác với công dụng chủ quản giữ gìn, có lúc tạo tác dựa vào sự phân biệt”.

8. Thiết lập tám loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là tám loại? Đó là trong bảy thức trước thêm vào thức A-lê-da. Trong Kinh Đạo Trí giải thích như vậy: “Tâm vương có tám loại. Thế nào là tám loại? Một là nhãn thức tâm vương, cho đến tám là dị thực báo thức tâm

vương. Các loại pháp của thức không ra ngoài số lượng này”.

9. Thiết lập chín loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là chín loại? Đó là trong tám loại trước thêm vào thức Am-ma-la. Trong Kinh Kim Cang Tam Muội giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Vô Trú thừa Đức Phật: Thừa Tôn Giả! Làm sao chuyển đổi có hiệu quả, để chuyển tất cả tình thức của chúng sanh vào trong thức Am-ma-la? Đức Phật dạy: Chư Phật Như Lai thường dùng một thứ giác ngộ để chuyển các thức vào trong thức Am-ma-la”.

10. Thiết lập mười loại thức đầu tóm toàn bộ các thức. Thế nào là mười loại? Đó là trong chín loại trước thêm vào thức Nhất thiết nhất tâm. Trong Kinh Pháp Môn giải thích như vậy: “Tâm lượng tuy là vô lượng nhưng không ra ngoài mười thức,” cho đến nói rộng. Đây là mười loại, các kinh đã giải thích khác nhau. Mười loại như vậy ở trong Bốn Luận đầu tóm thế nào, an lập thế nào? Tụng nói:

*Nơi Bốn luận tuy rõ
Nay lại giải thích nữa
Dùng văn tán trong kinh
Là nói chung luận này.*

Luận nói: Ở trong Bốn luận tuy đã giải thích rõ, nhưng nay vì hàng độn căn nên phải giải thích lại, dùng văn Kinh có liên quan đến Luận. Đó là trong Kinh Nhất Tâm Pháp Giới đã kiến lập chung: Tất cả một tâm thức, Luận Ma-ha-diễn đầu tóm một pháp giới, nghĩa như trước đã nói. Trong Kinh Thức A-lê-da, đã kiến lập chung thức A-lê-da. Luận Ma-ha-diễn đầu tóm toàn bộ thức A-lê-da. Vì sao? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Đó là bất sanh bất diệt hòa hợp với sanh diệt, chẳng phải đồng nhất, chẳng phải khác biệt, nên gọi là thức A-lê-da. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực đầu tóm tất cả các pháp và phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai loại? Một là nghĩa giác. Hai là nghĩa bất giác”. Trong Kinh Hiện Liễu, đã kiến lập chung thức Đại Mạt-na, Luận Ma-ha-diễn đầu tóm toàn bộ thức Mạt-na. Tại sao? Trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, nhân duyên sanh diệt nghĩa là chúng sanh dựa vào sự chuyển đổi của tâm ý, ý thức. Nghĩa này là thế nào? Vì dựa vào thức A-lê-da, nói có vô minh, không giác ngộ được, nơi cảnh giới luôn thấy, luôn hiện có và luôn giữ lấy, dấy lên phân biệt liên tục nên nói là ý. Ý này lại có năm tên gọi. Thế nào là năm tên gọi? Một là gọi thức nghiệp, là vì lực của vô minh nên không giác ngộ, do đó tâm biến động. Hai là gọi thức chuyển, vì dựa vào sự biến động của tâm nên

luôn thấy có tướng. Ba là gọi thức, đó là luôn hiện bày tất cả các cảnh giới. Giống như gương sáng hiện rõ các cảnh sắc hình tượng. Thức hiện cũng vậy, tùy theo năm trần cảnh hưởng đến lập tức hiện rõ không hề có trước sau, trong tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng khởi lên và hiện tiền. Bốn là gọi thức trí, là vì phân biệt các pháp nhiệm tịnh. Năm là gọi thức tương tục, vì niệm tương ưng không ngừng lại, cho đến nói rộng”. Trong kinh Thất Hóa đã kiến lập tổng quát cùng một ý thức, Luận Ma-ha-diễn thu tóm một phần ý thức, nói về tướng tuy thiếu nhưng mật ý thì đầy đủ. Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, nói ý thức, chính là thức tương tục này, dựa vào sự chấp giữ của các hàng phàm phu chuyển sang sâu dày, các loại vọng chấp về ngã và ngã sở, thuận theo việc chạy theo sáu trần mà duyên phân biệt, gọi là ý thức”, cho đến nói rộng. Tất cả các kinh như vậy, tùy theo xứ sở thích hợp nên phối hợp tương xứng như thế.

Đã nói về phần thu tóm đầy đủ để an lập, tiếp theo nói về phần tạng thức phân tích theo tên chữ. Tên gọi sai biệt của thức A-lê-da, số lượng đó có bao nhiêu, ở trong kinh điển giải thích khác nhau và tướng đó thế nào? Nghĩa của chữ như thế nào và thuộc về những nơi nào? Tụng nói:

*Thức A-lê-da có mười
Khế kinh giải thích khác
Ma Ha Kiện Đát Tiêu
Ai Kiện A Thi Già La
Bạch Bạch Am Ma La
Hắc Bạch Am Ma La
Yết La La Kiện Ma
Phược Đa Đề Kiện Ma
Xa Ha Na Kiện Ma
Bà A Xoa Ni La
Bạch Bạch Ca Tát La
Hắc Bạch Ca Tát la.
Mười loại thức như vậy
Trong Luận Ma Ha Diễn
Giải thích biểu hiện rõ
Tùy thuận nên phối hợp.*

Luận nói: Thức A-lê-da toàn bộ có mười loại. Vì sao? Vì ở trong các kinh đã giải thích phân biệt khác nhau. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Gọi là thức A-lê-da Đại Nhiếp Chủ, đó chính là Đại Tổng Tướng của thức, nghĩa như trước đã nói.

2. Gọi là thức A-lê-da vô minh căn bản, đó là vô minh căn bản thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Thập Chung Tướng vọng giải thích như vậy: “Thức Sát Xa Chỉ Đa Đề Vương, chính là pháp hư vọng, không thể thấu rõ được thể của một pháp giới, tất cả các pháp nhiễm, thức A-lê-da lấy đó làm căn bản, sanh ra và nuôi lớn thêm, không lúc nào đoạn dứt. Nếu không có thức Đề Vương thì quyến thuộc của phẩm đen tối vĩnh viễn không có nơi nương tựa, không thể sanh trưởng được. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào?”. Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Đó là nói về nghĩa bất giác, nghĩa là không biết đúng như thật pháp Chân như duy nhất, tâm bất giác dấy lên nên có sự phân biệt”, cho đến nói rộng.

3. Gọi là thức A-lê-da thanh tịnh Bốn giác, đó là trí căn bản tự nhiên được thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Giác giải thích như vậy: “Tự thể thanh tịnh của Phật trong thức A-lê-da, đầy đủ mọi công đức vô lậu và viên mãn, luôn thanh tịnh và luôn quyết định, không có tướng bị huân tập, không có tướng biến dị, thể của trí không biến động có đầy đủ phẩm chất trong sáng (phẩm Bạch), vì vậy gọi là chỉ có một thức thanh tịnh”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, thể tướng của giác có bốn loại nghĩa về đại, sánh cùng hư không và giống như gương sáng”, cho đến nói rộng.

4. Gọi là thức A-lê-da nhiễm tịnh Bốn giác, đó là trí Đà-la-ni không giữ lấy tự tánh mà thiết lập riêng, lấy đó làm thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Nhân Duyên Khởi giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đồng tử Quang Nghiêm liền thưa với Đức Phật: Thưa Tôn giả! Do nhân duyên gì khó vào trong chúng hội, chưa từng có mà dấy lên nói như vậy? Vì tùy theo duyên khác khởi lên trí Đà-la-ni, gọi là thức Lăng Già Vương. Thế nào là Lăng Già Vương? Lấy điều đó để ví dụ bày tỏ duyên khởi của trí Đà-la-ni kia? Tôn giả nói với Đồng tử Quang Nghiêm: Lăng Già Vương này thường ở trong núi Ma-la giữa biển lớn, dẫn theo mười vạn sáu ngàn chúng quỷ thần để làm quyến thuộc. Các quyến thuộc như vậy đều nhờ vào cung điện hóa hiện du hành qua các cõi nước, tất cả đều nhờ vào Lăng Già Vương mới được đến nơi. Nghĩa là các chúng quỷ thần cùng nói như vậy: Chúng thần chúng tôi không có uy đức, không có khí lực, đối với những gì đã làm hoàn toàn không có năng lực của mình, nếu như thích hợp mong Đại Vương ban cho năng lực có thể để mọi người chúng

tôi thực hiện được. Lăng Già Vương lập tức thuận theo, lúc đó ban cho lực thù thắng, không tách rời nhau mà cùng chuyển dời. Tức Lăng Già Vương tuy không phân thân nhưng có thể hiện hữu khắp nơi trong các thân chúng, đối với tất cả mỗi mỗi người đều khiến đạt được số lượng của toàn thân, ở trong tất cả mọi lúc, ở tại tất cả mọi nơi, cùng nhau chuyển đổi không xa rời. Trí không giữ lấy tự tánh cũng lại như vậy, có thể tiếp nhận vô lượng vô biên phiền não của tất cả pháp nhiễm do chúng quý thân huân tập, nhưng không tách rời nhau mà cùng chuyển đổi. Vì nhân duyên này, Ta mới nói là khó vào trong hội chúng như vậy, thuận theo chuyển đổi giác trí gọi là thức Lăng Già Vương”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc về phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Tự tánh thanh tịnh của tâm, vì gió Vô minh làm cho lay động, tâm và vô minh hoàn toàn không có hình tướng và không tách rời nhau”. cho đến nói rộng.

5. Gọi là thức A-lê-da nghiệp tướng nghiệp thức. Đó là tướng nghiệp cùng với thức nghiệp căn bản, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Bốn Tánh Trí giải thích như vậy: “Thức A-lê-da không có chủ thể tạo tác phân biệt, không có đối tượng được tạo tác phân biệt, không thể phân tích và không thể cách biệt, chỉ căn cứ vào nghĩa rất bền và lưu chuyển kín, nên gọi là Kiện Ma”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Vả lại, dựa vào bất giác nên phát sanh ba loại tướng, cùng với bất giác tương ứng không xa rời. Thế nào là ba tướng? Là tướng Vô minh, Nghiệp, vì dựa vào bất giác, tâm biến động nên nói là Nghiệp. Giác thì không biến động, biến động thì có khổ, vì quả không lia nhân”.

6. Gọi là thức A-lê-da chuyển tướng chuyển thức, đó là năng lực thấy tướng của cảnh giới cùng với chuyển thức, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Đại Vô Lượng giải thích như vậy: “Thức A-lê-da có cái thấy thì cái thấy chuyển đổi – không có cái thấy thì cái thấy khởi lên”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Hai là tướng có thể thấy, vì dựa vào sự biến động nên có thể thấy, không biến động thì không thấy gì”.

7. Gọi là thức A-lê-da hiện tướng hiện thức, đó là tướng của cảnh giới cùng hiện thức, thiết lập riêng để làm thành thức A-lê-da. Trong Kinh Thật Tế giải thích như vậy: “Biệt dị và biệt dị ở địa hiện tiền chuyển đổi, cùng khác biệt và cùng khác biệt đầy đủ hành chuyển, vì vậy gọi là thức A-lê-da. Hơn nữa, thức A-lê-da này thực sự là pháp dị thực vô ký, tướng thanh tịnh nên hoặc gọi là thành thực”. Thức A-lê-da

này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Ba là tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể nhìn thấy, cảnh giới huyền vọng hiện rõ, do đó lia cái thấy thì không có cảnh giới”.

8. Gọi là thức A-lê-da thuộc về lý tánh Chân như, đó là chánh trí đã chứng Chân như thanh tịnh, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Chư Pháp Đồng Thể giải thích như vậy: “Có thức là thức, không phải thức thuộc về thức, đó gọi là thức A-lê-da Như Như”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Tức là cảnh của Bát nhã thanh tịnh thuộc về Chân như.

9. Gọi là thức thức A-lê-da, thuộc về Thỉ giác thanh tịnh. Đó là vốn có Bát nhã thuần khiết của Thỉ giác, thiết lập riêng để làm thành thức A-lê-da. Trong Kinh Quả Viên Mãn giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Thọ Vương Bồ Đề: Thức A-lê-da Thỉ giác tự nhiên, sẽ luôn không lia Bốn giác thanh tịnh. Bốn giác thanh tịnh sẽ luôn không lia thức thanh tịnh của Thỉ giác, thuận theo nơi này mà nơi kia có, thuận theo nơi kia mà nơi này xuất hiện, hoặc là chẳng cùng loại – hoặc chẳng phải khác loại”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Nghĩa Bốn giác là đối với Thỉ giác mà nói, vì Thỉ giác ấy tức giống như Bốn giác”.

10. Gọi là thức A-lê-da nhiễm tịnh Thỉ giác. Đó là Bát nhã của tùy duyên Thỉ giác, thiết lập riêng để trở thành thức A-lê-da. Trong Kinh Quả Viên Mãn giải thích như vậy: “Lại nữa, này Thọ Vương! Giống như thức thanh tịnh của Thỉ giác và Bốn giác trong sáng, nói về thức A-lê-da Thỉ giác nhiễm hay tịnh, không giữ lấy tự tánh mà duyên vào đó khởi Bốn giác cũng lại như vậy”. Thức A-lê-da này sẽ thuộc phần quyết trạch nào? Ở trong Bốn luận giải thích như vậy: “Nghĩa Thỉ giác là dựa vào Bốn giác mà phát sinh Bất giác, dựa vào Bất giác nên nói là có Thỉ giác. Lại vì giác ngộ nguồn gốc của tâm nên gọi là Cứu cánh giác, không giác ngộ gốc tâm nên chẳng phải là Cứu cánh giác”, cho đến nói rộng. Những ý nghĩa như vậy đến phần Tự quyết trạch sẽ quảng diễn đầy đủ. Đồng thời, mười loại Mạt-na và sáu loại ý thức, ở trong văn sau theo thứ tự sẽ giải thích, nay chỉ lược nêu.

Đã nói về phần Tạng thức phân tích theo tên chữ, phần phân Biệt tướng. Tiếp đến nói về phần Tổng thức thâm gồm và phát sinh đầy đủ trọn vẹn. Thức này có hai loại nghĩa, có năng lực thâm tóm tất cả các pháp và có năng lực phát sanh tất cả các pháp. Thế nào là hai nghĩa? Một là nghĩa Giác. Hai là nghĩa Bất giác. Nhưng toàn bộ là biểu hiện rõ về tướng viên mãn thù thắng của Bốn thức. Nghĩa này là thế nào? Đó

là đầy đủ hai loại viên mãn. Thế nào là hai loại? Một là công đức viên mãn. Hai là lỗi lầm gồm đủ. Công đức viên mãn là câu chữ về nghĩa của Giác, vì có năng lực thu gồm tất cả các công đức vô lượng vô biên, vượt quá hằng hà sa số không rời xa, không gián đoạn, và có năng lực phát sanh tất cả các công đức vô lượng vô biên, vượt quá hằng sa số, không xa rời, không gián đoạn. Lỗi lầm gồm đủ là câu chữ về nghĩa của Bất giác, vì có sức thu tóm tất cả các lỗi lầm vô lượng vô biên, vượt quá hằng sa số hoặc xa rời hoặc thoát khỏi, có sức phát sanh tất cả các lỗi lầm vô lượng vô biên vượt quá hằng sa số hoặc xa rời hoặc thoát khỏi. Như vậy các loại tướng trạng thu tóm và phát sanh huân tập sai biệt, đến phần Quyết trạch biệt tướng sẽ biểu hiện phân biệt rõ.

